

Bản án số: 569/2019/HC-PT

Ngày: 20 - 8 - 2019

V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán: Ông Lê Hoàng Tấn

Ông Đặng An Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Tiểu Phương Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 50/2019/TLPT-HC ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc “khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1797/2019/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1927 (vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Bà Phan Thị Ngọc N, sinh năm 1962 (có mặt)

Cùng địa chỉ: số 84 ấp Đ, xã A, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Ngọc N: Luật sư Nguyễn Thanh V, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Địa chỉ: Công ty Luật TNHH V1, số 225/21 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (có văn bản xin vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trường tiểu học A, xã A, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đ1 – Hiệu trưởng Trường Tiểu học A, xã A, huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người làm chứng:* Bà Võ Thị Kiều C - Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Người kháng cáo:* bà Nguyễn Thị Q, là người khởi kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại cũng như tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện – bà Phan Thị Ngọc N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Q là chủ sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 7050m² đất, thuộc thửa 2154, 2155, tờ bản đồ số 4, toạ lạc xã A, huyện G theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ số: 410507.00277.QSDĐ/110.QĐUB do Ủy Ban Nhân Dân (UBND) huyện G cấp ngày 10/09/1992.

Trong quá trình sử dụng đất, bà Q có thỏa thuận nhận sang nhượng thêm khoảng 588m² của các hộ canh tác liền kề nâng diện tích sử dụng đất lên 7637,7m² theo biên bản số 397/BB-53 về việc đo đạc sửa sai theo hiện trạng thửa đất (Thửa đất gốc bị sai liên quan đến nhiều thửa đất).

Để hợp thửa phần diện tích đã nhận chuyển nhượng nêu trên, bà Q thực hiện thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất vào sổ CH02612 ngày 19/09/2012. Tuy nhiên UBND huyện G cấp thiếu phần diện tích 258m² thuộc thửa 2154 nay thuộc thửa 45 tờ bản đồ số 33. Bà Q đã khiếu nại UBND huyện G về việc cấp thiếu phần diện tích trên.

Ngày 24/10/2012, tại biên bản tiếp dân phía UBND huyện G xác định việc phân đất này gia đình bà Q cho mượn để làm trường học.

Ngày 06/11/2012 tại biên bản tiếp dân phía UBND huyện G động viên bà Q để lại phần đất nêu trên làm trụ sở ấp Đ theo qui hoạch nông thôn mới nhưng gia đình bà Q không thống nhất và chuyển UBND tỉnh xem xét.

Ngày 12/02/2018, UBND tỉnh Bến Tre ban hành công văn số 657/UBND-NC bác đơn yêu cầu của bà Q.

Nay bà Q làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre hủy bỏ công văn số 657/UBND-NC ngày 12/02/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

Theo văn bản ý kiến số 3382/UBND-NC ngày 20/7/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, người bị kiện – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trình bày:

Bà Nguyễn Thị Q (cư trú tại ấp Đ, xã A, huyện G, tỉnh Bến Tre) khiếu nại đòi lại quyền sử dụng diện tích 258 m² đất thuộc thửa 45, tờ bản đồ số 33 tại xã A, huyện G, tỉnh Bến Tre (hiện do Trường tiểu học xã A quản lý sử dụng) là không có cơ sở để giải quyết theo yêu cầu của bà Q. Lý do:

Diện tích 258 m² đất trên có nguồn gốc của ông Phan Văn M (cha chồng bà Q), nhưng chính quyền chế độ cũ đã sử dụng phần đất này xây dựng trường học từ trước năm 1975. Sau năm 1975, Chính quyền Cách mạng tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích 258 m² đất này làm trường học (Năm 2003, UBND tỉnh Bến Tre đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này cho Trường tiểu học xã A).

Xét thấy, việc bà Q khiếu nại đòi lại quyền sử dụng diện tích 258 m² đất trên, nhưng bà không có tài liệu hợp pháp để chứng minh bà có quyền sử dụng hợp pháp phần đất này, do đó, ngày 12/02/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre có Công văn số 657/UBND-NC trả lời cho bà Q là khiếu nại của bà là không có cơ sở xem xét để giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ y công văn trên, bác yêu cầu khởi kiện của bà Q.

Theo bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản đối thoại, cũng như tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của Trường Tiểu học A - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Trường Tiểu học A có 01 điểm trường chính và 05 điểm trường lẻ rải đều ở các ấp trên địa bàn xã A, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Điểm trường ấp Đ là 01 trong những điểm trường lẻ, tọa lạc ấp Đ xã A. Điểm trường này đã được hình thành từ trước năm 1975. Từ khi hình thành đến nay, Trường đã trải qua nhiều lần sửa chữa, nâng cấp để phục vụ cho nhu cầu dạy học cho học sinh tiểu học. Trường hiện có 02 phòng học được xây dựng bán kiên cố, đang xuống cấp do xây dựng đã lâu (xây năm 1996). Ngoài phần đất xây 02 phòng học, trường còn phần đất phía trước để làm sân chơi, bãi tập cho học sinh. Để đảm bảo an toàn cho học sinh và dễ quản lý, Trường đã làm rào lưới B40 bao quanh thửa đất.

Năm 2003 Trường tiểu học A được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 2154, tờ bản đồ số 4, diện tích 306 m²

Ngày 19/5/2016, Trường làm hồ sơ xin cấp sổ bìa hồng và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 45, tờ bản đồ số 33, diện tích 258 m².

Từ tháng 10/2017, Điểm trường này không còn tổ chức dạy học nữa. Ủy ban nhân dân xã dự kiến sẽ sử dụng điểm trường này làm nhà văn hoá của ấp Đ.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q.

Người làm chứng – bà Võ Thị Kiều C trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10 tháng 9 năm 1992 cho bà Q trong đó có thửa 2154, tờ bản đồ số 4, diện tích 300m² đất thổ cư là không đúng quy định của pháp luật, sai mục đích sử dụng, sai đối tượng sử dụng. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Q vào năm 1992 thì bà Q không có sử dụng thửa đất số 2154, tờ bản đồ số 4 mà do Trường Tiểu học A sử dụng với mục đích đất giáo dục. Căn cứ Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành thì trường hợp phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp sai thì phải thu hồi. Do đó, Văn phòng đăng ký đất đai huyện G đã đóng dấu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Q tại thời điểm bà Q cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2012 đối với thửa đất số 2154, tờ bản đồ số 4 theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 42 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/01/2004 của Chính Phủ nên Ủy ban nhân dân huyện G không có thực hiện quy trình thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 21 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ. Việc bà Q đòi lại phần đất mà Trường học quản lý sử dụng từ trước năm 1975 đến nay là không có căn cứ

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày:

Phần đất thuộc thửa 2154, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa 45, tờ bản đồ số 33) tọa lạc xã A, huyện G có nguồn gốc của gia đình bà Nguyễn Thị Q cho Trường Tiểu học A mượn. Bà Q đã được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 10/09/1992 gồm 02 thửa 2154 và 2155, tờ bản đồ số 4, xã A. Tuy nhiên, năm 2012, khi cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Ủy ban nhân dân huyện G đã cấp thiếu phần đất tại thửa 2154, tờ bản đồ số 4 trên. Việc Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành Công văn số 657/UBND-NC ngày 12/02/2018 không chấp nhận khiếu nại của bà Q là đã làm ảnh hưởng đến quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 2154, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa 45, tờ bản đồ số 33) tọa lạc xã A mà bà Q đã được cấp quyền sử dụng đất vào năm 1992. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Q, huỷ Công văn số 657/UBND-NC ngày 12/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2018/HC-ST ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ Điểm a, Khoản 1, Điều 193; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ khoản 5 Điều 26 Luật đất đai 2013; Căn cứ Điều 21, 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại; Căn cứ Thông tư số 07/2013/TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra chính phủ quy định về quy trình giải quyết khiếu nại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Q về việc yêu cầu hủy Công văn số 657/UBND-NC ngày 12/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc trả lời đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Q đòi lại đất do Nhà nước quản lý.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 16/11/2018, bà Nguyễn Thị Q (người khởi kiện) kháng cáo đề nghị sửa án sơ thẩm, xử hủy công văn trả lời đơn số 657/UBND-NC ngày 12/2/2018 của UBND tỉnh Bến Tre về việc trả lời khiếu nại của bà.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay, đại diện cho bà Nguyễn Thị Q vẫn giữ theo yêu cầu kháng cáo như trên.

Tại Tòa luật sư ông Nguyễn Thanh V luật sư thuộc đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Q cho rằng về việc bà Nguyễn Thị Q tranh chấp đất với Trường tiểu học A, xã A, huyện G, tỉnh Bến Tre, UBND tỉnh Bến Tre ra văn bản trả lời đơn như trên là không đúng với hình thức ban hành văn bản; phía UBND xác định vào năm 1971 Quận Trưởng chế độ cũ lấy đất của gia đình bà Q xây dựng Trường học nhưng không có chứng cứ để chứng minh; tranh chấp đất như trên là thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện G, UBND tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là không đúng thẩm quyền, nên Luật sư đề nghị sửa án sơ thẩm, xử hủy công văn số 657/UBND-NC ngày 12/2/2018 của UBND tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Q.

Ông Đ1 hiệu Trưởng Trường tiểu học A, xã A cho rằng phần đất tranh chấp trước năm 1975 được chế độ cũ sử dụng xây dựng Trường học, sau năm 1975 thì do Trường trung học cơ sở A quản lý, năm 1992 thì Trường trung học cơ sở A được tách ra giao cho Trường tiểu học A quản lý diện tích 300m², năm 2003 được UBND tỉnh Bến Tre cấp 306m², năm 2016 thì được cấp đổi lại 258m² phía

Trường thì đề nghị giữ y việc UBND tỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất cho Trường.

Tại tòa vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Theo lời khai của bà Nguyễn Thị Q tại biên bản làm việc của cơ quan Thanh tra bà Q thừa nhận trước giải phóng chế độ cũ có sử dụng phần đất tranh chấp trên để xây dựng Trường tiểu học, sau giải phóng thì Nhà nước quản lý phần đất trên xây dựng Trường tiểu học; năm 1992 UBND huyện G có cấp cả 258m² đất tranh chấp nêu trên cho gia đình bà Q là cấp không đúng, nên năm 2012 khi cấp đổi lại UBND huyện để lại diện đất tranh chấp 258m², không cấp cho gia đình bà Q và giữ y hiện trạng cấp cho Trường tiểu học A là đúng, nên đề nghị giữ y án sơ thẩm xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q làm trong hạn luật định nên được coi là hợp lệ.

[2] Xét về nội dung việc kiện thì thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Thị Q cho rằng gia đình bà có diện tích đất 7.050m² tại thửa số 2154, 2155 tờ bản đồ số 4, tọa lạc tại xã A, huyện G, tỉnh Bến Tre, ngày 10/9/1992 thì được UBND huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà. Trong quá trình sử dụng đất thì bà đã mua thêm đất của một số hộ xung quanh khoảng 588m² đất nữa, đến ngày 19/9/2012 khi cấp đổi lại thì UBND huyện G cho rằng có 258m² đất đã cấp cho bà vào năm 1992 là cấp trùng với việc UBND cấp cho Trường tiểu học A nên giảm diện tích đất không cấp lại cho bà là 258m², khi Trường tiểu học ngưng hoạt động vào năm 2017 bà mới biết diện tích đất trên UBND huyện G đã cấp cho Trường nên bà khiếu nại, xin lại phần đất trên, UBND tỉnh Bến Tre không đồng ý việc xin lại đất của bà, UBND ban hành công văn số 657/UBND-NC không chấp nhận theo yêu cầu của bà, nên bác khởi kiện đòi hủy công văn nêu trên.

[2.2] Xét về đối tượng giải quyết là văn bản số 657/UBND-NC ngày 12/2/2018 của UBND tỉnh Bến Tre. Văn bản nêu trên của UBND tỉnh Bến Tre thực chất đó là quyết định giải quyết khiếu nại liên quan đến quyền sử dụng đất mà đất đã được UBND huyện G cấp quyền sử dụng đất cho trường tiểu học xã A.

[2.3] Xét về thẩm quyền giải quyết:

Theo luật khiếu nại thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp đất đai thuộc Chủ tịch UBND; việc UBND tỉnh Bến Tre ban hành văn bản số 657/UBND-NC ngày 12/2/2018 (mà cấp sơ thẩm cho rằng công văn số 657/UBND-NC) là ban hành không đúng thẩm quyền. Nếu Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre ban hành văn bản giải quyết khiếu nại thì đúng thẩm quyền nhưng phải thực hiện theo trình tự của

luật khiếu nại, gồm: Thụ lý đơn, hòa giải cơ sở, xác minh, thu thập chứng cứ, đối thoại, trên cơ sở báo cáo của cơ quan thanh tra ra quyết định giải quyết, thì mới đúng theo trình tự của luật khiếu nại.

[2.3.1] Trong vụ án này bà Nguyễn Thị Q khiếu nại, tranh chấp đất đai với Trường tiểu học A thuộc xã A, huyện G, tỉnh Bến Tre, đất tranh chấp đã được UBND huyện G cấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là Trường tiểu học A cho Trường tiểu học A, có tranh chấp thì không thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND và Chủ tịch UBND mà thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân theo luật tố tụng dân sự mới đúng.

[2.3.2] Do văn bản số 657/UBND-NC ngày 12/2/2018 của UBND tỉnh Bến Tre ban hành vi phạm về hình thức, thẩm quyền và cả về nội dung vì vậy cần phải chấp nhận theo kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q, cũng như theo Luật sư của bà Nguyễn Thị Q đề nghị, là sửa án sơ thẩm, xử hủy văn bản (công văn) nêu trên của UBND tỉnh Bến Tre.

[3] Do chấp nhận theo kháng cáo của người khởi kiện, sửa án sơ thẩm, xử hủy văn bản nêu trên của UBND tỉnh Bến Tre, nên UBND tỉnh Bến Tre phải nộp 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Bà Q không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm cũng như không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

[4] Quan điểm đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị không phù hợp với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015.
- Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Q.
- Sửa án sơ thẩm, xử hủy văn bản số 657/UBND-NC ngày 12/2/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.
- Áp dụng Điều 3; Điều 100; 105; Điều 30 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Hủy văn bản số 657/UBND-NC ngày 12/02/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực quản lý đất đai đối với bà Nguyễn Thị Q.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre phải nộp 300.00 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị Q không phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo như án sơ thẩm xử và không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

- Ngày 6/6/2018 bà Q nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo lai thu số 0008095 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre, số tiền trên được hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Q.

- Bản án này là phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/8/2019.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hoàng Tấn

Đặng An Thanh

Tô Chánh Trung